

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2022
V/v Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU - TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Tòng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Hải Đường;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ba Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phụng Tú.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **51**/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ánh H, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Huỳnh Văn K, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29-6-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Phạm Thị Ánh H trình bày:

Chị và anh K tự nguyện chung sống với nhau năm 2006, năm 2007 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn do anh K có quan hệ không trong sáng với người khác nên vợ chồng sống ly thân; không quan tâm lẫn nhau. Nay chị không còn tình cảm với anh K, yêu cầu ly hôn với anh K.

Vợ chồng có 02 con chung: Huỳnh Thị Tố M, sinh ngày 06-8-2007; Huỳnh

T, sinh ngày 01-01-2009; hiện đang sống cùng chị; chị yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Riêng đối với anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Phạm Thị Ánh H đối với Anh Huỳnh Văn K; giao con chung cho Chị H nuôi dưỡng, anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật; tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết; đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Phạm Thị Ánh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng anh Huỳnh Văn K cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh K. Anh K không thực hiện nghĩa vụ của đương sự quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả của việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 91, 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị H và anh K tự nguyện chung sống với nhau năm 2006, năm 2007 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; nên công nhận đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, anh K có quan hệ không trong sáng với người khác; nên Chị H yêu cầu ly hôn với anh K. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị H đối với anh K là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Huỳnh Thị Tố M, sinh ngày 06-8-2007; Huỳnh T, sinh

ngày 01-01-2009; đều có nguyện vọng sống cùng Chị H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị H: Giao 02 con chung cho Chị H nuôi dưỡng và buộc anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung; là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Phạm Thị Ánh H đối với Anh Huỳnh Văn K.

Chị H và anh K không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Chị H được trực tiếp nuôi con chung Huỳnh Thị Tố M, sinh ngày 06-8-2007; Huỳnh T, sinh ngày 01-01-2009.

Anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Huỳnh Thị Tố M và Huỳnh T mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng/02 con, kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung thành niên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh K được quyền thăm nom con chung sau ly hôn, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

[4.1] Chị Phạm Thị Ánh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh theo Biên lai thu số **0011951 ngày 11 tháng 12 năm 2021**; (Chị H đã nộp xong án phí).

[4.2] Anh K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện D;
- Chi cục THADS H.Dương Minh Châu;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thanh Tòng